

TRONG SỐ NÀY

- Định hướng và giải pháp tái cơ cấu chuỗi giá trị nông sản
- Những chính sách mới thúc đẩy tái cơ cấu ngành nông nghiệp

NĂM NHÓM GIẢI PHÁP CHÍNH ĐỊNH HƯỚNG TÁI CƠ CẤU CHUỖI GIÁ TRỊ NÔNG SẢN

Trong gần 30 năm qua, ngành nông nghiệp đã đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo an ninh lương thực, tạo việc làm và tăng thu nhập cho 70% dân số, cùng với xóa đói giảm nghèo cũng như ổn định chính trị xã hội. Bên cạnh những thành tựu nổi bật đạt được, những năm gần đây nông nghiệp bắt đầu bộc lộ một số điểm yếu như phần lớn sản phẩm có giá trị thấp bán trên phân khúc thị trường rẻ, sử dụng đất đai và tài nguyên thiên nhiên chưa hiệu quả, khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm dân số ngày càng tăng, chính sách phát triển nông thôn ít tính đến người nghèo và nhóm dễ tổn thương. Xuất phát từ nhu cầu nội tại khách quan trong phát triển nông nghiệp, đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” đã chính thức được ban hành vào tháng 6 năm 2013 để chỉ đạo Bộ Nông nghiệp & PTNT và các Bộ, ngành liên quan thực hiện như một trọng tâm phát triển nông nghiệp-nông dân-nông thôn.

Đề án tái cơ cấu thay đổi tiếp cận phát triển ngành dựa trên chỉ tiêu số lượng cụ thể sang các chỉ số mục tiêu về “ba trụ cột phát triển bền vững: kinh tế-môi trường-xã hội” cho nông nghiệp Việt Nam. Đề án chủ trương phát triển sản xuất nông nghiệp theo tín hiệu thị trường và nhu



cầu tiêu dùng, Chính phủ chuyển vai trò từ nhà cung cấp trực tiếp sang việc tạo dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, thúc đẩy các thành phần kinh tế khác nhau nâng cao chất lượng và khối lượng đầu tư và dịch vụ trong ngành. Đề án tái cơ cấu cũng đặt ra vấn đề xem xét lại vai trò của các bên trong mối quan hệ “Nhà nước – Doanh nghiệp – Xã hội” thông qua việc thúc đẩy hợp tác “bốn nhà” trong chuỗi giá trị giữa chính quyền địa phương, khu vực tư nhân, tổ chức nông dân/cộng đồng và các nhà khoa học.

Mục tiêu của Đề án tái cơ cấu sẽ khó có thể đạt được nếu việc thực hiện chỉ bó hẹp trong lĩnh vực kỹ thuật chuyên môn của cán bộ Bộ Nông nghiệp & PTNT. Cần có những thay đổi cơ bản trong công tác quản lý Nhà nước nhằm nâng cao chất lượng hành chính và dịch vụ công.

Năm nhóm giải pháp được lựa chọn làm nền tảng thực hiện Đề án tái cơ cấu bao gồm:

- 1) Cải thiện công tác quy hoạch vùng,
- 2) Thu hút đầu tư tư nhân,
- 3) Nâng cao chất lượng và hiệu quả đầu tư công,
- 4) Cải cách thể chế và hành chính,
- 5) Xây dựng chính sách và khung pháp lý hiệu quả, trong đó nâng cao hiệu quả đầu tư công là bước đột phá.

Việc áp dụng các giải pháp này trong từng chuỗi giá trị hàng hóa chiến lược của ngành nông nghiệp như gạo, cà phê, cây ăn quả, rau (trồng trọt), lợn, vịt (chăn nuôi), cá ngừ, tôm, cá tra (thủy sản) ... được coi là ưu tiên trước mắt thực hiện tái cơ cấu trong từng lĩnh vực.

Việc xác định các ngành hàng chiến lược trong nông nghiệp cần được cân nhắc và tái xác định thường xuyên theo nhu cầu của cả thị trường nội địa và thị trường quốc tế. (TS.Nguyen Thi Lan Huong, ISG Policy adviser).

TÁI CƠ CẤU CHUỖI GIÁ TRỊ THỦY SẢN

Thủy sản đã đóng góp 4% GDP cho nền kinh tế quốc dân và chiếm 29% GDP của khối nông lâm ngư nghiệp. Với tốc độ phát triển nhanh, tạo ra nhiều việc làm, nhất là trong nuôi trồng, thủy sản đã có đóng góp tích cực trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tham gia hiệu quả vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, góp phần bảo đảm an ninh lương thực, thực phẩm. Năm 2013, sản lượng thủy sản đạt 6,05 triệu tấn (Khai thác thủy sản: 2,4 triệu tấn; Nuôi trồng thủy sản: 3,4 triệu tấn; Khai thác thủy sản nội đồng: 0,205 triệu tấn), giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 6,72 tỷ USD.

Bên cạnh việc chủ động con giống nhằm đa dạng hóa các loài nuôi đón đầu cơ hội thị trường, ngành thủy sản xác định ba chuỗi sản phẩm chủ lực gồm cá ngừ đại dương, cá tra và tôm còn nhiều dư địa góp phần đạt mục tiêu “đến năm 2020 có thể nâng giá trị gia tăng các sản phẩm thủy sản lên gấp 2 lần so với năm 2013”. Nhóm các sản phẩm thủy sản xuất khẩu chủ lực hiện nay gồm: cá ngừ đại dương (550 triệu USD), cá tra (1,76 tỷ USD), tôm sú và tôm thẻ chân trắng (3,1 tỷ USD). Ba

sản phẩm này chiếm khoảng 80% tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản năm 2013.

Các giải pháp chủ yếu cần tập trung hành động cụ thể như sau:

- ✓ Rà soát các Quy hoạch khai thác cá ngừ, nuôi cá tra, nuôi tôm công nghiệp và quản lý thực hiện tốt quy hoạch theo ngành và vùng lãnh thổ.
- ✓ Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, chuyển giao, áp dụng Khoa học công nghệ tiên tiến: (i) hiện đại hóa đoàn tàu khai thác cá ngừ (vỏ tàu, trang thiết bị, công nghệ khai thác, bảo quản sau thu hoạch); (ii) nghiên cứu sản xuất, chuyển giao giống tôm, cá tra sạch bệnh, giống một số loài nhằm đa dạng hóa các đối tượng nuôi, trồng; nghiên cứu dinh dưỡng, công thức thức ăn, phòng trừ dịch bệnh, công nghệ nuôi tiên tiến thân thiện môi trường; (iii) nghiên cứu công nghệ xử lý môi trường bảo đảm phát triển bền vững.
- ✓ Cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả, chất lượng các dịch vụ công; tổ chức lại sản xuất khai thác, nuôi trồng thủy sản; cổ phần hóa 100% các doanh

niệp thủy sản, khuyến khích các thành phần kinh tế tư nhân, tạo điều kiện hỗ trợ cho các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu làm đầu tàu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nghề khai thác cá ngừ đại dương, nuôi cá tra và nuôi tôm công nghiệp.

- ✓ Cải cách cơ chế quản lý đầu tư công, khuyến khích đầu tư của các thành phần kinh tế tư nhân, thực hiện cơ chế đối tác công tư (PPP) và hợp tác công tư (PPC) trong đầu tư các trung tâm nghề cá lớn, cơ sở hạ tầng dịch vụ các vùng nuôi trồng thủy sản công nghiệp, các trung tâm sản xuất giống thủy sản tập trung, các khu neo đậu tránh trú bão và dịch vụ hậu cần, các chợ cá, các sàn điện tử giao dịch thương mại nghề cá.
- ✓ Sửa đổi Luật Thủy sản, cải cách thể chế quản lý theo định hướng cơ chế thị trường, phát huy dân chủ, coi trọng vai trò của cộng đồng và thực hiện đồng quản lý trong nghề cá.

Với cách tiếp cận theo chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực, báo cáo tư vấn “*Kế hoạch hành động thực hiện tái cơ cấu ngành thủy sản*”, những giải pháp chính để tái cơ cấu chuỗi giá trị chủ lực này.

CHUỖI GIÁ TRỊ CÁ NGỪ ĐẠI DƯƠNG

Nhóm giải pháp chính để nâng cao chuỗi giá trị cá ngừ đại dương:

Tổ chức lại quản lý và hoạt động khai thác cá ngừ đại dương, điều chỉnh lại cơ cấu nghề, giữ câu vàng, giảm mạnh câu tay, tăng nghề vây di động. Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp khai thác, chế biến,

xuất khẩu cá ngừ trở thành lực lượng nòng cốt trong công nghiệp hóa nghề khai thác cá ngừ đại dương.

Hiện đại hóa đội tàu khai thác, áp dụng công nghệ khai thác và công nghệ bảo quản sau thu hoạch tiên tiến trên các tàu khai thác cá ngừ đại dương, giảm tỷ lệ thất thoát từ 20-30% xuống dưới 10%.



CHUỖI GIÁ TRỊ CÁ TRA

Dịện tích nuôi cá tra các năm gần đây đạt khoảng 5.000- 6.000 ha. Theo quy hoạch, khả năng diện tích nuôi có thể đạt 10.000 ha. Năm 2013, năng suất bình quân cá tra nuôi đạt 274kg/

ha, có ao đạt tới 500kg/ha; sản lượng đạt 1,15 triệu tấn; giá trị xuất khẩu đạt 1,76 tỷ USD (chiếm 26,1% tổng kim ngạch XKTS), trong đó 97- 98% sản phẩm xuất khẩu là cá tra phi lê.

Theo phân tích của chuyên gia tư vấn¹, một số hạn chế trong chuỗi giá trị cá tra như sau :

- ✓ Chất lượng sản xuất giống và công tác quản lý kiểm tra, kiểm soát chất lượng giống cá tra cung cấp cho các vùng nuôi không tốt.
- ✓ Chi phí cho thức ăn nuôi cá tra ngày càng tăng, chiếm khoảng 70-86% giá thành, hiệu quả nuôi cá tra thấp.
- ✓ Rủi ro dịch bệnh và ô nhiễm môi trường nước rất cao.

✓ Sản phẩm cá tra xuất khẩu chủ yếu dưới dạng phi lê (97-98%), tỷ lệ thủy phân cao (86%), tỷ lệ mạt băng lớn (20%, cùng với tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trong nội bộ các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu dẫn đến giá cá tra xuất khẩu rất thấp.

Các giải pháp tái cơ cấu chuỗi giá trị cá tra:

- Đầu tư khoa học công nghệ: Cải thiện chất lượng giống, giảm chi phí sản xuất, cung ứng thức ăn, xử lý môi trường, khống chế dịch bệnh. Hạ tỷ lệ thủy phân xuống dưới 80%, hạ tỷ lệ mạt băng xuống dưới 10% trong chế biến.
- Chuyển đổi cơ cấu sản phẩm cá tra xuất khẩu, giảm tỷ lệ phi lê từ 97-98% xuống



¹ TS.Ngô Anh Tuấn, Chuyên gia tư vấn hỗ trợ kỹ thuật thuộc FAO-TCPF 3403

dưới 50% và nâng tỷ lệ xuất khẩu các sản phẩm giá trị gia tăng lên trên 50%.

- Cải cách thể chế, quản lý, tổ chức các liên

kết theo chuỗi giá trị, trong đó vai trò của các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu là nòng cốt. Cần các chính sách hỗ

trợ, khuyến khích để các doanh nghiệp trở thành đầu tàu trong công nghiệp hóa ngành nghề sản xuất cá tra.

CHUỖI GIÁ TRỊ TÔM NUÔI CÔNG NGHIỆP

Diện tích nuôi tôm năm 2013 đã đạt 666.000 ha (tôm sú 600.000, tôm chân trắng 66.000 ha), sản lượng tôm nuôi đạt 816.000 tấn, trong đó diện tích nuôi tôm công nghiệp khoảng 66.000 ha, sản lượng đạt 300.000 tấn. Giá trị kim ngạch tôm xuất khẩu đạt 3,1 tỷ USD, chiếm 46,1% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản.

Phân tích chuỗi giá trị tôm nuôi công nghiệp cho thấy tiềm năng phát triển vẫn còn có thể gia tăng:

✓ Diện tích nuôi tôm công nghiệp theo

quy hoạch đến năm 2020 có thể tăng lên 120.000 ha, tạo khả năng tăng sản lượng lên 180 %.

✓ Hợp tác, nghiên cứu, chuyển giao, áp dụng KHCN tiên tiến, sản xuất tôm giống sạch bệnh, thực hiện quy trình nuôi theo VietGAP, GlobalGAP, bảo vệ môi trường sinh thái, khống chế dịch bệnh, sẽ nâng cao giá trị sản phẩm tôm nuôi.

✓ Cải thiện chất lượng bột cá sản xuất trong nước, phát triển các vùng trồng ngô, đậu tương bảo đảm nguồn nguyên liệu sản xuất thức ăn, thay thế nhập khẩu để



giảm giá thành, nâng cao giá trị gia tăng đối với tôm nuôi công nghiệp.

✓ Nghiên cứu xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, xây dựng thương hiệu, tăng tỷ lệ các sản phẩm giá trị gia tăng của tôm xuất khẩu lên 50%.

TÁI CƠ CẤU CHUỖI GIÁ TRỊ NGÀNH HÀNG CHĂN NUÔI

Trong giai đoạn 2000 - 2012, ngành chăn nuôi duy trì tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ở mức bình quân 6,7%/năm, là nhân tố quan trọng đóng góp vào tốc độ tăng trưởng của toàn ngành nông lâm thủy sản (5,1%) khi ngành trồng trọt tăng trưởng chậm ở mức 3,6% và lâm nghiệp 2,9%. Tỷ trọng chăn nuôi trong tổng giá trị sản xuất của toàn ngành nông lâm thủy sản cũng tăng nhẹ từ 15% năm 2000 lên 20% năm 2012. Tuy nhiên tăng trưởng của ngành chăn nuôi vẫn gặp khó khăn do cả nguyên nhân chủ quan và khách quan.

Theo kết quả nghiên cứu về đánh giá tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của một số vật nuôi chính² trong khuôn khổ Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng kế hoạch hành động tái cơ cấu ngành chăn nuôi (FAO-TCPF 3403) thì ngành này được coi là mũi nhọn quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Quan điểm về tái cơ cấu ngành chăn nuôi là theo cơ chế và nhu cầu thị trường, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị ngành hàng, đảm bảo phúc lợi cho người chăn nuôi và người tiêu dùng.

TÁI CƠ CẤU CHUỖI GIÁ TRỊ NGÀNH HÀNG THỊT LỢN

Để hướng tới một ngành chăn nuôi lợn có giá trị gia tăng cao, có chất lượng cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu nội địa, mở rộng thị trường và tăng sản lượng xuất khẩu, cần có những chính sách và giải pháp đồng bộ, quyết liệt và gấp rút trong thời gian tới.



Giải pháp phát triển

✓ Tăng cường quản lý nguồn giống, nâng cao chất lượng nguồn giống, tăng tỷ lệ thụ tinh nhân tạo.

✓ Khuyến khích liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng.

✓ Hình thành các cụm công nghiệp – dịch vụ hỗ trợ chăn nuôi (nhà máy giết mổ hiện đại quy mô lớn, các cơ sở chế biến sâu... nhằm gia tăng giá trị); đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm

✓ Chủ động phòng ngừa, nghiên cứu áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dự báo dịch bệnh.

✓ Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường và xúc tiến thương mại cho các thị trường xuất khẩu tiềm năng; phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý

✓ Cần có chính sách hỗ trợ mạnh mẽ hỗ trợ về quy hoạch, đất đai, cơ sở hạ tầng KHCN, tín dụng... để phát triển vùng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi..

² TS. Nguyễn Đỗ Anh Tuấn - Phó Viện trưởng Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển nông nghiệp nông thôn, Chuyên gia tư vấn thuộc FAO-TCPF 3403

TÁI CƠ CẤU NGÀNH CHĂN NUÔI VỊT

Tính đến cuối năm 2012, cả nước có 84,7 triệu con vịt ngan, đóng góp 27% sản phẩm chăn nuôi gia cầm. Tốc độ tăng trưởng hàng năm từ 10-11%/năm, và có xu hướng giảm trong những năm gần đây do dịch cúm gia cầm. Việt Nam hiện là nước chăn nuôi vịt nhiều thứ hai trên thế giới (sau Trung Quốc), chủ yếu phục vụ thị trường trong nước, tỷ lệ xuất khẩu chiếm chỉ 10%. Tuy nhiên, xu hướng xuất khẩu vịt của Việt Nam ngày càng tăng, từ mức 81,8 nghìn tấn năm 2004, xuất khẩu vịt đã tăng lên 158,6 nghìn tấn năm 2011, đạt 442,1 triệu USD.

Để tạo thêm giá trị gia tăng và phát triển bền vững ngành hàng vịt, cần nhanh chóng quy hoạch và xây dựng vùng chăn nuôi vịt tập trung, quy mô lớn tại các tỉnh có mật độ dân cư thấp, vị trí địa lý thích hợp, có nguồn thức ăn dồi dào từ sản xuất lúa tại ĐBSH và ĐBSCL. Áp dụng các hình



thức chăn nuôi an toàn sinh học: vịt – lúa, vịt – cá – lúa, sử dụng nguồn thức ăn tự nhiên qua hoạt động chăn thả kết hợp với nguồn thức ăn công nghiệp để giảm chi phí thức ăn đồng thời đảm bảo năng suất và chất lượng trứng.

Giải pháp chăn nuôi theo 2 nhóm chính: (i) sản xuất quy mô lớn-tập trung, công nghiệp và bán công nghiệp đáp ứng nhu

cầu thực phẩm cho các thành phố lớn và hướng tới xuất khẩu; (ii) chăn nuôi nông hộ, HTX đáp ứng nhu cầu thực phẩm cho tiêu dùng tại chỗ và nội địa.

Có cơ chế ưu đãi thu hút các doanh nghiệp chế biến sâu các sản phẩm từ vịt, chế biến phụ phẩm tại các vùng chăn nuôi tập trung. Giám sát chặt chẽ dịch bệnh và môi trường, áp dụng triệt để các biện pháp thú y và các tiêu chuẩn chăn nuôi sạch để bảo vệ môi trường và đáp ứng nhu cầu thị trường.

Xây dựng chương trình nghiên cứu thị trường xuất khẩu tiềm năng như Trung Quốc, Hồng Kông và Nhật Bản (thịt vịt) và Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan và Singapore (trứng vịt) về cả quy mô thị trường và thị hiếu tiêu dùng. Xây dựng các chương trình xúc tiến thương mại, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp/ HTX chăn nuôi xây dựng và phát triển thương hiệu, đăng ký thương hiệu, chỉ dẫn địa lý

LỢI THẾ SO SÁNH VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÁI CƠ CẤU NGÀNH TRỒNG TRỌT

Báo cáo về 'Kế hoạch hành động thực hiện tái cơ cấu ngành trồng trọt theo hướng gia tăng giá trị và phát triển bền vững', trong khuôn khổ Hỗ trợ kỹ thuật FAO-TCPF 3403³ đã chỉ rõ lợi thế của ngành trồng trọt và đây là lĩnh vực còn dư địa để tái cơ cấu hiệu quả. Theo thống kê hiện nay Việt Nam có hơn 9 triệu ha đất nông nghiệp, trong đó có Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng

có nhiều lợi thế về sản xuất các loại cây lương thực và cây ăn quả đặc sản. Các khu vực khác như Tây Nguyên, Duyên hải miền Trung đều có thế mạnh và điều kiện thích hợp cho việc phát triển các loại cây công nghiệp có giá trị xuất khẩu cao. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ rõ các hạn chế kìm hãm sự phát triển của chuỗi giá trị này và cần thiết thực hiện tái cơ cấu.

Một số vấn đề đặt ra trong phát triển chuỗi giá trị trồng trọt⁴

- ✓ Sản xuất còn nhỏ lẻ và chi phí sản xuất cao, trong khi chính sách tập trung đất đai và hợp tác nông dân chưa phát huy tác dụng
- ✓ Hạ tầng cho hoạt động trồng trọt đã được cải thiện nhưng hiệu quả đầu tư thấp
- ✓ Nhiều nông dân chưa tiếp cận được các dịch vụ tín dụng và hưởng lợi từ các chương trình hỗ trợ tín dụng của nhà nước
- ✓ Ngành trồng trọt chưa có chiến lược phù hợp nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và đảm bảo sự phát triển bền vững
- ✓ Các dịch vụ chế biến nông sản chưa phát triển và chưa tạo ra giá trị gia tăng cao
- ✓ Chi phí giao dịch cao và chưa phát triển được các dịch vụ hỗ trợ phát triển chuỗi giá trị nông sản
- ✓ Xây dựng thương hiệu nông sản, yếu tố quan trọng để nâng cao giá trị và cạnh tranh chưa được quan tâm đầy đủ
- ✓ Thiếu dịch vụ công ích về thông tin và tư vấn thị trường có hiệu quả
- ✓ Thiếu cơ quan thực thi quản lý, chính sách về thương mại và thị trường nông sản ở Bộ Nông nghiệp và PTNT



^{3,4}TS. Đào Thế Anh, Chuyên gia tư vấn thuộc Hỗ trợ kỹ thuật FAO-TCPF 3403

TÁI CƠ CẤU NGÀNH HÀNG LÚA GẠO

Sau hơn 20 năm liên tiếp xuất khẩu gạo trên quy mô lớn, Việt Nam đã vươn lên trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ 2 thế giới với mức đóng góp bình quân 4,5 triệu tấn/năm cho thị trường gạo thế giới. Năm 2012, gạo của ĐBSCL xuất khẩu đạt đỉnh cao 8 triệu tấn gạo, tuy nhiên giá luôn ở mức thấp. Thêm vào đó chuỗi giá trị lúa gạo không được tổ chức tốt nên phân chia lợi nhuận giữa các tác nhân chưa hợp lý, thu nhập của nông dân còn rất thấp. Chất lượng gạo Việt nam khó thâm nhập thị trường chất lượng cao do dư lượng hóa chất trong sản phẩm còn cao, công nghệ sản xuất không thân thiện môi trường. Tác động của các chính sách Nhà nước sử dụng đầu tư công hầu như hiệu quả còn hạn chế. Kế hoạch hành động tái cơ cấu nông nghiệp cần ưu tiên tập trung vào các nhiệm vụ quản lý nhà nước nhằm tái cơ cấu chuỗi giá trị lúa gạo theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và tăng thu nhập cho nông dân, tăng tính cạnh tranh một cách bền vững cho ngành lúa gạo.

Đổi mới thể chế tổ chức trong chuỗi giá trị lúa gạo cũng là một đòi hỏi cấp bách thông qua việc liên kết doanh nghiệp với các HTX, tổ hợp tác của nông dân trong cánh đồng lớn nhằm nâng cao chất lượng lúa gạo. Quy hoạch sử dụng đất cấp vùng và địa phương cần rà soát lại để khai thác tốt nhất tiềm năng các tiểu vùng sinh thái có lợi thế trồng lúa. Song song với giữ năng lực đất lúa, cần tạo cơ hội cho nông dân sử dụng quỹ đất lúa linh hoạt cho các loại cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn. Việc xác định lợi thế cạnh tranh vùng đối với sản xuất lúa để tập trung chính sách, đầu tư sản xuất lúa chuyên nghiệp là hết sức cần thiết. Các vùng khác có thể áp dụng chính sách đa dạng hóa nông sản dựa trên nhu cầu của thị trường.

Các giải pháp chính sách cần được xem xét đồng bộ thúc đẩy chuỗi giá trị hướng tới nâng cao vai trò của hành động tập thể của hộ nông dân nhằm nâng cao vị thế kinh tế và lợi thế đàm phán của nông dân sản xuất lúa gạo. Chính sách cần được đảm bảo bằng các công cụ tài chính đi kèm như các gói tín dụng ngắn, trung

và dài hạn. Hợp tác công-tư cần được coi là giải pháp đột phá trong khuyến khích đầu tư tư nhân hỗ trợ nông dân sản xuất sạch hơn, giảm tổn thất sau thu hoạch và khuyến khích chế biến sâu. Một vấn đề chính sách quan trọng nữa là cần thay đổi cơ cấu thị trường hướng đến các thị trường mới, thị trường chất lượng cao, tránh phụ thuộc vào các thị trường truyền thống. Đa dạng hóa sản phẩm lúa gạo của Việt Nam làm cơ sở cho xây dựng thành công thương hiệu lúa gạo Việt Nam.

Một số giải pháp phát triển ngành hàng lúa gạo

- Xác định lợi thế cạnh tranh vùng của sản xuất lúa gạo ở các đồng bằng châu thổ nhằm phát triển một số vùng sản xuất lúa gạo chuyên nghiệp
- Quyết định sản xuất dựa trên nhu cầu của thị trường chất lượng trong và ngoài nước
- Nghiên cứu KHCN về giống, tiêu chuẩn chất lượng và thực hành canh tác, chế biến phù hợp với nhu cầu của thị trường

Thu hút đầu tư tư nhân đồng bộ theo chuỗi giá trị nhằm cải thiện chất lượng gạo

- Hoàn thiện thể chế liên kết Tổ chức Nông dân (HTX, tổ hợp tác) - Doanh nghiệp nhằm phân chia lợi nhuận hài hòa.
- Xây dựng, bảo hộ và phát triển thương hiệu lúa gạo Việt Nam dựa trên các vùng sản xuất đặc thù và các thương hiệu doanh nghiệp
- Nhà nước tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng thủy lợi và thương mại cho các vùng sản xuất chuyên canh lúa



Hội thảo: Tái cơ cấu ngành lúa gạo tại ĐBSCL, 24/6/2014, Cần Thơ.

Các chính sách để tái cơ cấu ngành lúa gạo ĐBSCL bao gồm⁵:

Đẩy mạnh gắn kết với doanh nghiệp chế biến xuất khẩu gạo với nông dân và vùng nguyên liệu; tập trung hỗ trợ cho vùng chuyên canh phục vụ xuất khẩu; ứng dụng khoa học công nghệ và kỹ thuật tiên tiến để tăng năng suất và giá trị của ngành hàng lúa gạo; thu hút đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp; phát triển thị trường xuất khẩu mới như Nam Mỹ, châu Phi, Trung Đông; tăng sản lượng gạo chất lượng cao xuất khẩu; đầu tư xây dựng thương hiệu; giảm xuất khẩu tiểu ngạch, tăng xuất chính ngạch. Kiến nghị Chính phủ ưu tiên kinh phí xây dựng và hoàn thiện các công trình thủy lợi đầu mối lớn để vận chuyển nông sản tiêu thụ dễ dàng. Ngoài ra, cần nâng cao năng lực hợp tác xã, kêu gọi đầu tư và vốn tín dụng cho doanh nghiệp từ nguồn vốn nước ngoài.

“Việt Nam có thể mở rộng sản xuất các giống lúa có giá trị cao hơn, có sức cạnh tranh mạnh trên thị trường xuất khẩu và có thể kỳ vọng trở thành nước xuất khẩu gạo đứng đầu thế giới. Hiện các nước trên thế giới vẫn có nhu cầu tiêu thụ lượng gạo lớn và ổn định. Vấn đề hiện nay là đòi hỏi phải xác định được vùng sinh thái nào phù hợp để phát triển trồng cây lúa và có thể luân canh giữa cây lúa với các loại cây trồng khác. Ngoài việc tìm cách hạ giá thành sản xuất lúa thì Việt Nam cần nguyên cứu các hoạt động chống thất thoát trong thu hoạch⁶”.

Trong bài trình bày về tổng quan và dự báo thị trường xuất khẩu gạo toàn cầu tại hội thảo TCC ngành lúa gạo tại ĐBSCL, TS Jong-Ha Bae cũng nhấn mạnh: Tầm nhìn cho nền kinh tế lúa gạo của khu vực là “Đáp ứng đủ lương thực và dinh dưỡng cho người tiêu dùng. Đem lại thu nhập cao hơn cho nông dân và được hưởng lợi bình đẳng từ ngành lúa gạo năng động, sáng tạo và đổi mới, năng suất và hiệu quả hơn, bền vững với môi trường vào 2030”. Nhóm các mục tiêu chiến lược bao gồm: tăng năng suất và giá trị dinh dưỡng của lúa gạo; cải

⁵TS. Nguyễn Đỗ Anh Tuấn, Phó Viện trưởng Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển nông nghiệp nông thôn, Chuyên gia tư vấn thuộc FAO-TCPF 3403

⁶Ông Jong Ha Bae - Trưởng đại diện Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, phát biểu tại: Hội thảo Tái cơ cấu ngành lúa gạo tại ĐBSCL, 24/6/2014, Cần Thơ

thiện chuỗi giá trị lúa gạo, an toàn thực phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch; cải thiện khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu; giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường từ ngành sản xuất lúa (cả bảo vệ phát huy di sản và văn hóa lúa gạo); nâng cao hiệu quả, minh bạch và công bằng của cả thị trường nội địa và quốc tế để ổn định nguồn cung, giá, đảm bảo tiếp cận công bằng cho người nghèo, thúc đẩy hợp tác khu vực; và tăng cường phúc lợi và sinh kế cho nông hộ nhỏ, phụ nữ...

Vấn đề tái cơ cấu ngành lúa gạo thì phải nhìn theo cái tổng thể trong mối quan hệ với các cây trồng thay thế và nghiên cứu theo chuỗi liên kết, có chính sách quản lý, điều hành hợp lý. Theo đó, chú trọng vào việc đưa ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, phân tích và dự báo thị trường tiêu thụ thế giới. Trong quá trình triển khai thực cũng như trong đề án tái cơ cấu của từng địa phương cần tập trung vào tính cấp thiết liên kết vùng.”⁷



TÁI CƠ CẤU CHUỖI GIÁ TRỊ CÀ PHÊ

Việt Nam có lợi thế về mặt điều kiện tự nhiên, khí hậu và đất đai rất thích hợp cho việc trồng cà phê, đảm bảo cho cây cà phê sinh trưởng tốt, đạt năng suất cao, có hương vị thơm ngon riêng biệt, đặc biệt là Robusta ở Tây Nguyên. Diện tích đất trồng lớn, màu mỡ, giàu dinh dưỡng giúp Việt Nam thu được sản lượng cà phê lớn, đảm bảo nguồn cung dồi dào, đáp ứng đủ nhu cầu của thị trường, trở thành nước xuất khẩu cà phê lớn thứ 2 trên thị trường thế giới.

Là một ngành hàng nông sản chủ lực của Việt Nam, đóng góp khoảng 10% GDP nông nghiệp, 5% tổng giá trị xuất khẩu, cung cấp hơn 1 triệu việc làm và tạo 50% sinh kế góp phần quan trọng xoá đói giảm nghèo cho người dân Tây Nguyên cây cà phê đang đứng trước những vận hội phát triển mới.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT đã

phê duyệt “Quy hoạch phát triển ngành cà phê Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030” với mục tiêu: Diện tích cà phê cả nước đạt 500.000 ha sản lượng cà phê nhân đạt trên 1,1 triệu tấn (ổn định đến năm 2030); mở rộng công suất chế biến lên 125.000 tấn (135.000 tấn vào năm 2030); kim ngạch xuất khẩu từ 2,1 - 2,2 tỷ USD (đến 2030 đạt trên 2,2 tỷ USD).

Quan điểm chung phát triển ngành cà phê: (1) Phải dựa trên nhu cầu thị trường, khai thác hiệu quả lợi thế từng vùng; (2) Tập trung đầu tư thâm canh, áp dụng khoa học công nghệ; (3) Phát triển mạnh công nghệ chế biến, đa dạng hóa sản phẩm với chất lượng cao; (4) Phát huy mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế và sự hỗ trợ của nhà nước.

Tuy nhiên, sự phát triển ngành cà phê vẫn đang đối mặt với nhiều khó khăn: thiếu quy hoạch, chất lượng thấp, cây



giống và chất lượng vườn cà phê không đảm bảo, quy trình canh tác chưa hợp lý, công nghệ sơ chế lạc hậu, quy mô nhỏ và hệ thống tiêu chuẩn cà phê cải thiện chậm. Tổ chức quản lý chuỗi ngành hàng (theo chiều dọc) còn lỏng lẻo, hệ thống phân phối sản phẩm và thông tin thị trường yếu và đặc biệt chưa xây dựng được thương hiệu (ngoại trừ thương hiệu cà phê Trung Nguyên). Đây chính là lý do cấp thiết phải tái cơ cấu chuỗi giá trị ngành hàng này.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ PHÁT TRIỂN NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

Kế hoạch hành động tái cơ cấu nông nghiệp, tập trung vào đề xuất các giải pháp nâng cao tính cạnh tranh của chuỗi giá trị cà phê với các giải pháp như thu hút đầu tư tư nhân thông qua cơ chế hợp tác công tư để bù đắp cho hiện

trạng đầu tư rất thấp của nhà nước cho chuỗi giá trị cà phê; đầu tư công cần tập trung vào nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật phù hợp nhằm giúp người sản xuất giảm rủi ro trong tái canh cà phê. Tổ chức lại chuỗi giá trị dựa trên các quan hệ hợp đồng giữa HTX và doanh nghiệp sản xuất cà phê hạt chất lượng có chứng nhận cà phê sạch, cà phê đạt chứng nhận Fair-trade, cà phê đạt chứng nhận UTZ, cà phê RFA, tăng tỷ lệ cà phê chè trong cơ cấu sản phẩm và tăng tỷ lệ cà phê chế biến có thương hiệu là các giải pháp được đề xuất nhằm tăng giá trị cà phê Việt Nam.

Các giải pháp chính sách cụ thể cần tập trung vào cơ chế tài chính, thu

hút đầu tư vào chuỗi giá trị cà phê ở Tây Nguyên, thiết kế các gói tín dụng phù hợp thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào chế biến và hệ thống phân phối nhằm xây dựng thương hiệu cà phê chất lượng cao của Việt Nam. Các giải pháp thể chế nhằm khai thác tối đa giá trị của các Chỉ dẫn địa lý đã được bảo hộ như Cà phê Buôn Ma Thuột trên thị trường trong nước và thế giới là rất cần thiết, qua thúc đẩy xuất khẩu trực tiếp, giảm xuất thông qua các thương hiệu lớn của thế giới. Đầu tư công của Nhà nước cần hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam trong công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường trong giai đoạn thâm nhập các thị trường mới như TPP, EU...



⁷ Ông Nguyễn Văn Sánh Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển ĐBSCL

VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI TƯ DUY NHÀ QUẢN LÝ TRONG TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP



"Cần tuyên truyền tạo sự quyết tâm cao trong toàn ngành nông nghiệp. Đây là việc sẽ có tác động đến 25 triệu người làm nông nghiệp, chính vì vậy phải tạo ra nhận thức chung thống nhất và quyết tâm cao trong toàn ngành."

"Tái cơ cấu không phải việc ứng phó tình huống mà là việc thay đổi căn bản trong nông nghiệp", phát biểu tại hội nghị sơ kết 1 năm triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp vừa qua Bộ trưởng **Cao Đức Phát** nhấn mạnh".

Nguyên Phó Thủ tướng **Nguyễn Công Tạn**, "Theo tôi, muốn gỡ vấn đề trong nông nghiệp hiện nay thì phải đổi mới hẳn tư duy. Tư duy của ta hiện nay về nông nghiệp vẫn còn ảnh hưởng tư duy một thời từ lâu là cứ tập trung làm lúa gạo".



"Tái cơ cấu nông nghiệp, trước hết phải tái cơ cấu tư duy người quản lý, lãnh đạo trong ngành nông nghiệp. Mỗi giai đoạn cần cách phát triển khác nhau, nhà quản lý phải có định hướng để lái sản xuất theo".

Ông **Nguyễn Minh Nhị**, nguyên Chủ tịch UBND tỉnh An Giang



GS - TS **Võ Tòng Xuân**: Tôi rất hy vọng vào việc chúng ta thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Tuy nhiên, theo tìm hiểu của tôi, để án tái cơ cấu của một số tỉnh chỉ là *"bình mới rượu cũ"*, không có gì đột phá. Tái cơ cấu nông nghiệp, trước tiên phải là đổi mới từ tư duy nhà quản lý, nếu *"nhạc trưởng"* mà tư duy sai, đưa ra chiến lược sai thì hệ quả rất nghiêm trọng.

Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp **Lê Minh Hoan**: Khó khăn đầu tiên, theo tôi là từ nhận thức và quyết tâm của chính quyền và cả hệ thống chính trị. Chúng ta quá quen với cách nghĩ rằng chỉ có Nhà nước mới đưa ra được một mô hình tối ưu và bắt xã hội đi theo. Hãy nghĩ ngược lại, chính sự phong phú trong ý tưởng của xã hội là tín hiệu để chúng tôi tự tin đưa ra những ý tưởng mới. Chúng ta đang tái cơ cấu trong khi những thể chế chưa theo kịp xu thế phát triển của xã hội, thể chế đôi khi là điểm nghẽn cho những phát kiến từ doanh nghiệp và đời sống xã hội. Thị trường luôn biến động cũng là một thách thức lớn. Bên cạnh đó, tư duy, năng lực của doanh nghiệp, của hợp tác xã cũng là nút thắt hiện nay.



TS **Nguyễn Thị Lan Hương**, FAO-Vietnam: Để án tái cơ cấu ngành nông nghiệp chính là bước đột phá về tư duy trong công tác quản lý nhà nước nhằm tạo ra động lực tăng trưởng mới cho ngành. Đi đôi với tạo dựng môi trường chính sách phù hợp, nâng cao hiệu quả đầu tư công nên được coi là bước đột phá.



PGS.TS **Nguyễn Văn Bộ**, Viện trưởng Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

Đã có rất nhiều cuộc họp bàn về vấn đề tái cơ cấu nông nghiệp và thực hiện nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nhưng thực tế, vẫn là nói dễ hơn làm. Và sẽ càng khó hơn khi quá trình tái cơ cấu đòi hỏi 3 yếu tố quan trọng: tiền, thị trường và tư duy.

Thay đổi tư duy, điều quan trọng nhất để chuyển từ nông nghiệp số lượng sang nông nghiệp hiệu quả. Nhưng với bối cảnh nền kinh tế hiện nay, không thể ngay lập tức chuyển hướng sang cây trồng khác, vật nuôi khác, bởi nó đòi hỏi phải đầu tư một năm mấy ngàn tỷ đồng.



Theo đề xuất của TS **Đặng Kim Sơn**, Viện trưởng Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển NNNT (IPSARD) "Tái cơ cấu nông nghiệp, cần một chính sách mới có đủ sức tạo ra động lực mới. Nó phải đột phá về quản lý và đầu tư cho nông nghiệp; đột phá trong lựa chọn ngành hàng chiến lược". Sản xuất theo chuỗi giá trị là việc làm quan trọng nhất quyết định đến thành bại của tái cơ cấu nông nghiệp".



Tái cơ cấu nông nghiệp: Nghiên cứu thị trường phải đi trước

Theo Ts. **Đào Thế Anh**: nghiên cứu về thị trường sẽ cho chúng ta rất nhiều ý tưởng mới về tái cơ cấu.

Tái cơ cấu nông nghiệp: Làm một lần, lợi nhiều năm

TS **Nguyễn Đỗ Anh Tuấn**, Phó Viện trưởng Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển NNNT (IPSARD), khi tái cơ cấu nông nghiệp cũng sẽ phải mất chi phí cho đầu tư cơ sở hạ tầng, sắp xếp lại ruộng đồng, xúc tiến thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp... chứ không phải chỉ ban hành chính sách ra là thực hiện được. Tuy nhiên, "nếu hạch toán ra, chi phí cho tái cơ cấu nông nghiệp có lẽ rẻ nhất so với các ngành khác".



CHÍNH SÁCH MỚI THỨC ĐẨY TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Đề án Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2014-2020 tại Quyết định số 1323/QĐ-BNN-TCCB ngày 17/6/2014. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vừa là yêu cầu, nhiệm vụ và là giải pháp để thực hiện có hiệu quả chủ trương tái cơ cấu ngành và xây dựng nông thôn mới. (Toàn văn quyết định đăng tải trên <http://law.omard.gov.vn/>)

Mục tiêu đến 2020:

- ✓ 100% công chức, viên chức được quản lý bằng tiêu chuẩn các ngạch bậc
- ✓ 80% kỹ thuật viên (tương đương 68.000 người) được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu làm việc ở địa bàn nông thôn tham gia cung ứng dịch vụ kỹ thuật, sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp.
- ✓ Khoảng 1,5 triệu lao động nông thôn được đào tạo trình độ sơ cấp nghề, KTV có chứng chỉ hành nghề.
- ✓ 75% cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước được đào tạo bồi dưỡng chuẩn đáp ứng tiêu chí quy định.
- ✓ 60% số cán bộ quản lý hợp tác xã, tổ hợp tác (tương đương 81.600) được đào tạo bồi dưỡng chuẩn.

KIỆN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Đề án "Kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ngành nông nghiệp và PTNT và các tổ chức sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 1291/QĐ-BNN-TCCB ngày 12/6/2014 nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ/ngành và cung cấp dịch vụ công thuộc chức năng của Bộ.

Ba nội dung chính kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước ngành nông nghiệp gồm:

- ✓ Kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: Điều chỉnh, phân công phù hợp với quy định mới của pháp luật, tránh chồng chéo, hoặc bỏ trống nhiệm vụ; tăng cường năng lực cán bộ; phân cấp quản lý nhà nước chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- ✓ Kiện toàn tổ chức sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ nhằm đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ, gắn với tăng cường chức năng quản lý Nhà nước của Bộ; rà soát, phân loại, tạo điều kiện cho các đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ dịch vụ công phục vụ công tác quản lý của Bộ

- ✓ Điều chỉnh phương thức vận hành hệ thống quản lý Nhà nước của Bộ, ngành nhằm đảm bảo quản lý, điều hành thống nhất và hiệu quả.

(Toàn văn quyết định đăng tải trên <http://law.omard.gov.vn/>)

Ngày 19/6/2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 999/QĐ-TTg về Ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT (thay thế quyết định số 214/QĐ-TTg ngày 15/02/2011), thúc đẩy kiện toàn và nâng cao năng lực quản lý hành chính của Bộ/ngành.

CANADA GIÚP BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU

Bộ Ngoại giao, Thương mại và Phát triển Canada (DFATD) đã thông qua khoản tài trợ 500.000 CAD cho Bộ Nông nghiệp và PTNT Việt Nam thực hiện dự án "Hỗ trợ kỹ thuật và chính sách để thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp".

Sự hỗ trợ của dự án sẽ đẩy mạnh tiến trình thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, trên cơ sở đồng thuận về quan điểm, cách tiếp cận trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách. Đồng thời, dự án sẽ tạo điều kiện để điều phối, gắn kết các dự án, chương trình, huy động nguồn lực và sức mạnh từ cộng đồng các nhà tài trợ hỗ trợ cho quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Tại lễ ký thỏa thuận, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Hoàng Văn Thắng đánh



giá cao sự hỗ trợ của Chính phủ Canada đối với ngành nông nghiệp Việt Nam trong nhiều năm qua. Đây là Dự Án hỗ trợ trực tiếp đầu tiên cho quá trình triển khai tái cơ cấu của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Trong một năm qua, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện tái cơ cấu ngành thông qua rà soát quy hoạch, thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ,

đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng hệ thống chính sách, các giải pháp được cụ thể hóa tới các tiểu ngành, lĩnh vực và nhiều địa phương nhằm đổi mới tư duy và cách tiếp cận mới trong phát triển nông nghiệp. Mặc dù vậy, hiện nay việc triển khai đề án còn chậm và chưa đồng bộ, tác động đến tăng trưởng ngành và thu nhập của nông dân còn hạn chế.

Bà Victoria Sutherland - Phó Giám đốc Chương trình Việt Nam, Đại sứ quán Canada tại Việt Nam cho biết, những hỗ trợ của Chính phủ Canada đối với Việt Nam trong những năm gần đây chủ yếu tập trung vào cải thiện thể chế công từ cấp T.Ư tới địa phương và tăng cường khả năng cạnh tranh nông nghiệp ở cấp địa phương. Bà bày tỏ hy vọng, với sự hỗ trợ này sẽ giúp cải thiện và nâng cao cuộc sống, thu nhập cho 15 triệu hộ nông dân Việt Nam.

Giấy phép xuất bản số: 32/GP-XBBT, ngày 19/07/2010, Cục Báo chí - Bộ Thông tin và Truyền thông

Hợp tác xuất bản: Công ty Cổ phần truyền thông và xây dựng Danko

Ý kiến đóng góp xin gửi về: Văn phòng ISG, Phòng 102-104 - Nhà B4 Số 2, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

Tel: 04 37711 736 ❖ Email: isgmard@mard.gov.vn ❖ Website: www.isgmard.org.vn